**SUMMARY FIRST WEEK**

# Programing principles

Tạo một chương trình Consle App Quản lý User.

Có chức năng: Create, Update, Delete, ViewList

File: DemoCrud

Mục đích:

* Thực hành áp dụng SOLID (mỗi class có một nhiệm vụ duy nhất). Class User (chứa trường thông tin của User). Class Create (chức năng thêm mới). Class Update (Chức năng chỉnh sửa). Class Delete (Chức năng xóa). Class ViewList (Chức năng xem danh sách User), Class Program (Run chương trình).

# GIT FLOw & azure repos

## Sử dụng các lệnh git

### Xem nội dung đã chỉnh sửa

A screenshot of a computer

Description automatically generated with medium confidence

### Phân biệt git fetch và git pull

|  |  |
| --- | --- |
| Git fetch | Git pull |
| git fetch <remote\_origin> | **git <remote\_origin> <branch\_name>** |
| Git sẽ tải về dữ liệu của tất cả các branch của repository trên remote server nằm tại địa chỉ quy định bởi <remote\_origin> và cập nhật dữ liệu này với dữ liệu của cách branch phía dưới máy local. Tuy nhiên git fetch không cập nhật dữ liệu của working directory. Điều này có nghĩa là nếu như có bất cứ thay đổi (commit) nào trên remote server thì chúng cũng không ảnh hưởng tới các tập tin, thư mục | **Git sẽ thực hiện việc fetch dữ liệu của remote repository tại nhánh <branch\_name> từ server nằm tại địa chỉ quy định bởi <remote\_origin> và áp dụng (merge) các thay đổi này vào thư mục và tập tin ở working directory.**  **Git pull luôn cố gắng tự động trộn các thay đổi (auto merge) vì thế việc này có thể dẫn đến conflict.** |

### Phân biệt git revert & git reset

|  |  |
| --- | --- |
| Git reset | Git revert |
| Git reset được dùng để quay về một điểm commit nào đó, đồng thời xóa lịch sử của các commit trước nó. | Git revert không làm mất các commit, thay vào đó sẽ tạo thêm commit mới, có nội dung giống hệt với commit bạn muốn quay trở về |